|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ** | ***Mẫu C5***  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Cần Thơ, ngày tháng năm 20…* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI** | | | |
| **KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ** | | | |
| (Đính kèm thuyết minh/đề cương NCKH:………………………………………...) | | | |
|  |  |  |  |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Thành tiền** | **Ghi chú** |
| **(đồng)** |  |
| **1** | **Chi phí lập đề cương NCKH** |  | Văn phòng phẩm, in ấn. |
| **2** | **Thù lao** | **-** | Bao gồm TNCN |
| 2.1 | Thù lao cộng tác viên (Liệt kê công việc đảm nhận và thời gian): 500.000đ/người |  | - Lập danh sách ký nhận khi chi (không bao gồm chủ nhiệm và các thành viên thực hiện đề tài) - khấu trừ 10% thuế TNCN khi chi trả thù lao |
| 2.2 | Thù lao cố vấn khoa học (nếu có, sẽ không có phản biện đề cương mục 2.3): - 1000.000đ |  |
| 2.3 | Thù lao cho người phản biện đề cương nghiên cứu (nếu có, sẽ không có cố vấn khoa học mục 2.2) - 500.000đ/người |  |
| **3** | **Công tác phí** (mức theo quy chế chi tiêu NB) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| 3.1 | Vé ô tô, máy bay khứ hồi |  |  |
| 3.2 | Đi lại |  |  |
| 3.3 | Khách sạn |  |  |
|  | …… |  |  |
| **4** | **Thuê khoán chuyên môn** (theo hợp đồng) |  |  |
| 4.1 | Phần việc 1 (hợp đồng thuê khoán 1) |  |  |
| 4.2 | Phần việc 2 (hợp đồng thuê khoán 2) |  |  |
|  | …….. |  |  |
| **5** | **Vật tư, hóa phẩm** (Theo nhu cầu thực tế) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| 5.1 | Vật tư |  |  |
| 5.2 | Hóa chất |  |  |
| 5.3 | Thuê phân tích |  |  |
| 5.4 | Bảo hộ lao động |  |  |
| 5.5 | Văn phòng phẩm |  |  |
| 5.6 | Mua tài liệu |  |  |
|  | …… |  |  |
| **6** | **Hội thảo** (không áp dụng cho hội thảo nội bộ) |  |  |
| 6.1 | Hội thảo 1 |  |  |
| 6.2 | Hội thảo 2 |  |  |
| **7** | **In ấn, hoàn thiện báo cáo, sao đĩa** (thuê khoán) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| **8** | **Xét duyệt, nghiệm thu** |  |  |
| 8.1 | - Hội đồng xét duyệt đề cương cấp Khoa: (5 người x 300.000đ/người) |  | khấu trừ 10% thuế TNCN khi chi trả thù lao |
| - Chi phí tổ chức hội đồng (nước, bánh kẹo…) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| 8.2 | - Hội đồng xét duyệt đề cương cấp Trường (5 người x 400.000đ/người). |  | khấu trừ 10% thuế TNCN khi chi trả thù lao |
| - Chi phí tổ chức hội đồng (nước, bánh kẹo…) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| 8.3 | Nghiệm thu đề tài (1 Chủ tịch; 1 Thư ký, 3 Ủy viên) |  | khấu trừ 10% thuế TNCN khi chi trả thù lao |
| - Chủ tịch: 900.000 đồng |  |
| - Ủy viên PB: 2x750.000 đồng |  |
| - Ủy viên: 700.000đ |  |
| - Thư ký: 500.000 đồng |  |
| - Chi phí thành lập hội đồng (nước, bánh kẹo…) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| **9** | **Chi phí khác** (nếu có) |  | Chứng từ mua hàng, DV |
| **10** | **Chi phí điện, nước, phòng họp** |  | Nhà Trường tài trợ |
| TC | **Tổng kinh phí** |  |  |
| Bằng chữ: | | |  |
|  |  |  |  |
| **Phòng NCKH Trưởng khoa/Viện/Trung tâm** | | **Chủ nhiệm đề tài** | |
|  | | |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | | |  |
|  | | |  |
|  | | |  |
|  | **Phòng TC-KH** | **Hiệu trưởng** | |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **Chủ tịch Hội đồng Trường** |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  | | |